TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-PT
Ngày 14- 01- 2021
V/v "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản, đòi giá trị tài sản và chia tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 518/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc: "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản, đòi giá trị tài sản và chia tài sản chung".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2017/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2971/2020/QĐPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim C (Madelena Nguyen), sinh năm 1958; địa chỉ: Số 1910 Charles Walker Rd Odessa TX 79765 USA; tạm trú tại địa chỉ: Số 97, đường Triệu Thị Trinh, khu vực 3, Phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Cưởng, sinh năm 1965, theo văn bản ủy quyền ngày 04/01/2013; địa chỉ: Số 97, đường Triệu Thị Trinh, khu vực 3, Phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn C, Văn phòng luật sư Phạm Văn C – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà La Thị Tú A, sinh năm 1977; địa chỉ: Số G29 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà La Thị Tú A: Luật sư Phạm Anh V, Văn phòng luật sư Phạm Anh V – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Ông La Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 1121 Morrixon Ave – 15, Bron New York NY 10472 USA (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Tỷ: Bà La Thị Tú A, theo văn bản ủy quyền ngày 24/01/2013.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Ngọc K (M), sinh năm 1973 (có mặt).

2. Bà La Thị Kim T, sinh năm 1975 (có mặt).

3. Anh Nguyễn Nhựt A, sinh năm 1998 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số G29 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4. Ông La Văn D; địa chỉ: Số 49 Winding Wood DV APT2A, Sayreville NJ 08872, USA (vắng mặt).

5. Bà La Thị Kim H; địa chỉ: Số 11406 Elmcroft Dr Houston – TX 77099 – 2626, USA (vắng mặt).

4. người kháng cáo: bị đơn là bà La Thị Tú A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2013 của bà Nguyễn Thị Kim C và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim Cưỡng là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Khoảng tháng 3/1999 bà C cùng chồng là ông La Văn T về Việt Nam thăm gia đình. Giữa vợ chồng bà C có ý định sau này tuổi già sẽ về Việt Nam sinh sống, được biết bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung ở gần mẹ chồng của bà C có kêu chuyển nhượng 01 miếng đất diện tích 90m^2, tọa lạc tại số G29 đường L (Trung tâm Thương mại thị xã R) nay là số G29 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, với giá 370.000.000 đồng, vợ chồng bà C thống nhất với vợ chồng bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung, ông Lưu Văn Bằng làm giấy tay để chuyển nhượng đất trên ngày 26/3/1999.

Do bà C với ông Tỷ là người Việt Nam đang định cư tại H Kỳ nên chưa được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 27/3/1999 vợ chồng bà C với bà La Thị Tú A (em ruột của ông Tỷ) có làm đơn xác nhận về việc đứng tên giùm có người chứng kiến và có xác nhận của chính quyền địa phương. Đến ngày 06/4/1999 bà Nhung với bà Tú A làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, sau đó vợ chồng bà C bỏ tiền ra xây

dựng nhà. Bà C để tiền xây dựng căn nhà năm 1999 là 1.030.000.000 đồng (trong đó tiền nhân công là 130.000.000 đồng, chi phí xây dựng là 900.000.000 đồng). Đến năm 2000 bà C có về Việt Nam để đòi lại nhà ở nhưng bà Tú A không trả. Do thời gian bà C bận công việc phải trở về H Kỳ nên không tiếp tục khởi kiện tại Tòa án.

Nay yêu cầu chia 1/2 tài sản chung nhà và đất tọa lạc tại số G29 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo giá thị trường, vì đây là tài sản chung của bà C với ông Tỷ cùng để tiền ra mua chung và nhờ bà La Thị Tú A đứng tên giùm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà La Thị Tú A và cũng là người đại diện của ông La Văn T trình bày: Năm 1999, ông Tỷ, bà C định cư tại H Kỳ có về Việt Nam thăm gia đình, ông Tỷ, bà C cho bà số tiền là 370.000.000 đồng để mua một phần đất tọa lạc tại số G29 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Cũng trong năm 1999 bà La Thị Kim H, ông La Văn D đang định cư tại H Kỳ gửi tiền về cho bà và số tiền bà tích góp để xây dựng căn nhà tọa lạc tại địa chỉ trên, trong quá trình xây dựng nhà ông Tỷ, bà C có cho số tiền 50.000.000 đồng để trả tiền nhân công xây dựng, chi phí xây dựng hoàn tất căn nhà là khoảng 800.000.000 đồng, khi xây dựng là ông Nguyễn Ngọc K (Mỹ) đứng ra giám sát công trình xây dựng cho bà.

Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà C về việc chia tài sản chung và đòi giá trị tài sản đối với quyền sử dụng đất và nhà tọa lạc tại số G29 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, vì đây là tài sản của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc K trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tọa lạc tại địa chỉ trên là của ông Tỷ, bà C mua và tặng cho bà Tú A với giá 370.000.000 đồng vào năm 1999. Căn nhà xây dựng trên đất năm 1999, ông là người trực tiếp giám sát công trình thay cho bà Tú A, chi phí xây dựng căn nhà khoảng 930.000.000 đồng (trong đó tiền nhân công 130.000.000 đồng, chi phí vật tư xây dựng là 800.000.000 đồng), nguồn tiền xây dựng nhà do bà Tú A tích góp và bà La Thị Kim H, ông La Văn D gửi tiền về cho bà Tú A, việc xây dựng căn nhà không liên quan gì đến ông Tỷ, bà C. Đến năm 2010 bà Tú A có sửa chữa, xây dựng thêm phòng để kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, tổng chi phí khoảng 450.000.000 đồng. Hiện nay gia đình ông đang sống trong căn nhà tranh chấp này, trường hợp sau này Tòa án giải quyết tài sản thuộc về vợ chồng ông Tỷ, bà C thì gia đình ông cũng di dời trả lại đất và căn nhà cho ông Tỷ, bà C, ông không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị Kim T trình bày: Hiện tại bà đang sinh sống tại căn nhà đang tranh chấp, căn nhà là thuộc quyền sở hữu

của bà Tú A. Bà H, ông D đang ở H Kỳ có gửi tiền cho bà Tú A và bà Tú A có tích góp được một số tiền để cất nhà. Đối với mốc thời gian cụ thể như thế nào bà không biết rõ. Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông La Văn D đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Đại sứ quán Việt Nam tại H Kỳ tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và lấy lời khai của ông La Văn D theo đúng quy định của Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 của Bộ tư pháp, Bộ ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao về việc "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của Luật tương trợ tư pháp" và đã được Đại sứ quán của Việt Nam tại H Kỳ xác nhận đã gửi thông báo cho ông La Văn D, và đã niêm yết thông báo tại trụ sở Đại sứ quán. Tuy nhiên, hết thời hạn niêm yết nhưng ông La Văn D vẫn không hồi âm và cũng không đến Đại sứ quán để nhận hồ sơ tống đạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị Kim H đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Đại sứ quán Việt Nam tại H Kỳ tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và lấy lời khai của bà H theo đúng quy định của Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 của Bộ tư pháp, bộ ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao về việc "hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của Luật tương trợ tư pháp". Tuy nhiên, đến nay Tòa án vẫn không nhận được kết quả thực hiện Ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 54/2017/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 92, Điều 99, Điều 147, khoản 1 Điều 153, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 123, khoản 2 Điều 131, Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Án lệ số 02/2016 kèm theo Quyết định số 220/QĐ–CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao về việc công bố án lệ; Điều 48 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C.

1. Tuyên bố giao dịch giữa ông La Văn T, bà Nguyễn Thị Kim C là người Việt Nam định cư ở nước ngoài với bà La Thị Tú A là người đứng tên

giùm trên các giấy tờ căn nhà gắn liền quyền sử dụng đất tọa lạc tại số G29 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang là giao dịch vô hiệu.

2. Giữ nguyên hiện trạng căn nhà gắn liền quyền sử dụng đất tọa lạc tại số G29 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cho bà La Thị Tú A tiếp tục sở hữu và sử dụng.

3. Buộc bà La Thị Tú A có nghĩa vụ hoàn trả và chia giá trị tài sản chung cho bà Nguyễn Thị Kim C trong khối tài sản chung với ông La Văn T tại căn nhà gắn liền quyền sử dụng đất tọa lạc tại số G29 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang với số tiền là: 1.089.762.500 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 07/12/2017, bị đơn là bà La Thị Tú A kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Bị đơn bà La Thị Tú A và cũng là người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn ông La Văn T trình bày:*

Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tài sản là căn nhà số G29 L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Bởi lẽ căn nhà này là do anh chị ruột của bà Tú A là ông La Văn D, bà La Thị Kim H cho tiền cùng tiền tiết kiệm của bà Tú A xây dựng nên; trị giá khoảng 900.000.000 đồng. Bà Kim C và ông Tỷ không bỏ tiền ra xây nhà. Đến năm 2011 bà Tú A vay tiền tại Ngân hàng Sacombank số tiền 500.000.000 đồng để cải tạo làm nhà nghỉ như hiện nay.

Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm liên quan đến phần diện tích đất thì bà Tú A không kháng cáo.

** Bà Nguyễn Thị Kim Cưỡng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Phạm Văn C là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Yêu cầu tiếp tục xét xử vụ án, không yêu cầu định giá tài sản tranh chấp và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Ngọc K (Mỹ), bà La Thị Kim T không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Ông Nguyễn Nhựt A có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông La Văn D và bà La Thị Kim H vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà La Thị Tú A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào chứng minh yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2017/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phía bị đơn bà La Thị Tú A kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C về việc chia tài sản chung với ông La Văn T là giá trị căn nhà số G29 L, phường V, thành phố R. Theo bà Tú A thì căn nhà trên không phải do bà C, ông Tỷ mà do bà Tú A bỏ tiền ra xây dựng.

Bà Tú A không kháng cáo đối với phần quyết định của án sơ thẩm về việc xác định bà Tú A được hưởng ½ tiền chênh lệch giá do công sức bảo quản, giữ gìn là 833.800.000 đồng và bà Kim C được hưởng ½ giá trị tài sản chung với số tiền 601.900.000 đồng, đối với phần đất tọa lạc tại số G29 L.

[2] HĐXX nhận thấy: Tại bản viết tay (không có xác nhận của chính quyền địa phương) và tại bản đánh máy (có xác nhận của Trưởng ấp Trang Thành Đức) cùng ngày 27/3/1999 đều thể hiện nội dung "vợ chồng ông Tỷ, bà C có đưa tiền cho bà Tú A mua lô đất tại số G29 L để sau này cất nhà theo quy cách và bà Tú A chỉ đứng tên nhà chứ không được quyền sang bán, quyền sang bán chỉ thuộc vợ chồng ông Tỷ, bà C". Ông Tỷ thừa nhận có ký tên vào bản đánh máy và bà Tú A thừa nhận có ký tên vào bản viết tay. Ông Tỷ còn có lời

trình bày sợ bà Tú A còn trẻ ham chơi sẽ bán đất đi nên ông mới kêu bà Tú A ký xác nhận chỉ đứng tên đất chứ không được quyền mua bán tài sản.

Tại Biên bản hòa giải ngày 13/12/2012 tại UBND phường V, bà Tú A cũng trình bày: vào năm 1999 ông Tỷ, bà Kim C có về Việt Nam và cho bà một số tiền để mua đất cất nhà ở; căn nhà là do ông Tỷ, bà Kim C cho tiền mua.

Theo lời khai của người làm chứng ông Tăng Văn Sính thì vào ngày 21/4/1999 ông Sính có ký Hợp đồng thi công xây dựng nhà ở tại số G29 L với ông Tỷ; ông Tỷ là người trực tiếp thỏa thuận việc xây dựng với ông Sính, không phải bà Tú A. Toàn bộ hồ sơ xin phép, thi công xây dựng nhà… bản gốc đều do bà Kim C lưu giữ. Thời điểm hợp đồng thi công xây dựng và quá trình xây dựng nhà đều phát sinh trong năm 1999 là năm thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Cụ thể: ngày lô đất được chuyển nhượng là ngày 06/4/1999; ông Tỷ và ông Sính hợp đồng thi công xây dựng nhà là ngày 04 và ngày 21/4/1999; đến ngày 19/9/2006 phía vợ chồng ông Bằng, bà Nhung mới được UBND thành phố R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 02/10/2006 mới chỉnh lý biến động sang tên cho bà Tú A. Điều này chứng tỏ ông Tỷ, bà Kim C sau khi chuyển nhượng đất xong là cất nhà ngay.

Bà Tú A cho rằng tiền xây dựng nhà là do tiền bà tiết kiệm được và do tiền của ông La Văn D, bà La Thị Kim H là anh chị ruột của bà Tú A gửi về cho; ông Nguyễn Ngọc K là người đứng ra chi trả tiền công thợ. Tuy nhiên bà Tú A không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc ông D, bà H có gửi tiền về tại thời điểm xây dựng nhà. Ông Sính là người xây dựng căn nhà luôn xác định ông Tỷ là người đứng ra ký hợp đồng thi công, chi trả tiền chứ không phải bà Tú A hay ông K.

Cấp sơ thẩm xác định tiền xây dựng căn nhà số 29G L là của ông Tỷ, bà Kim C là có cơ sở chấp nhận. Cấp sơ thẩm đã khấu trừ phần chi phí xây dựng, sửa chữa nhà do bà Tú A đã bỏ ra là 96.503.000 đồng và xác định phần giá trị căn nhà mà bà Kim C được hưởng là 487.862.500 là có căn cứ.

Bản án sơ thẩm đã quyết định giữ nguyên hiện trạng căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 29G L cho bà Tú A tiếp tục sở hữu và sử dụng. Do đó bà Tú A phải có nghĩa vụ trả cho bà Kim C số tiền 1.089.762.500 đồng tương đương ½ giá trị nhà đất trong khối tài sản chung của bà Kim C và ông Tỷ là đúng quy định pháp luật.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2] Bà Tú A phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 123, khoản 2 Điều 131, Điều 213, Điều 219, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 38 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Án lệ số 02/2016 kèm theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao về việc công bố án lệ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà La Thị Tú A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C.

1. Giữ nguyên hiện trạng căn nhà gắn liền quyền sử dụng đất tọa lạc tại số G29 L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cho bà La Thị Tú A tiếp tục sở hữu và sử dụng.

2. Buộc bà La Thị Tú A có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 1.089.762.500 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) trong khối tài sản chung với ông La Văn T tại nhà đất số G29 L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Bà La Thị Tú A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 44.693.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng). Bà Tú A còn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà đã nộp theo biên lai số 0000985 ngày 11/12/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 07103 ngày 04/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Bà La Thị Tú A phải chịu chi phí thẩm định giá là 6.773.000 đồng. Do bà Kim C đã tạm ứng chi phí trên nên bà Tú A có nghĩa vụ trả lại co bà Kim C số tiền 6.773.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Chi phí ủy thác tư pháp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Tú A nộp, bà Tú A đã nộp xong.

Chi phí giám định chữ ký là 810.000 đồng (Tám trăm mười nghìn đồng) do bà Tú A nộp, bà Tú A đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh